

Cà Mau, ngày 21 tháng 9 năm 2026

BẢNG CÔNG BỐ
THÔNG TIN NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG
NƯỚC THÀNH PHẨM THÁNG 09/2026

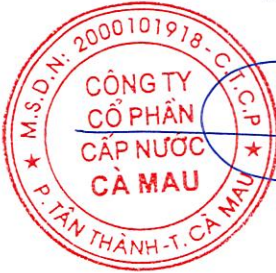
- Tổng số mẫu xét nghiệm : 81 mẫu
- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn : 81 mẫu
- Tổng số chỉ tiêu thử nghiệm, tần suất A : 10 chỉ tiêu
 - + Tổng số chỉ tiêu đạt quy chuẩn : 10 chỉ tiêu
 - + Tổng số chỉ tiêu chưa đạt quy chuẩn : 00 chỉ tiêu

Tháng	Mức độ giám sát	Lý Hóa		Vi sinh		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
09	A	81	100	81	100	
Tổng cộng		81	100	81	100	

(Kết quả chất lượng nước thành phẩm có phụ lục đính kèm)

Kết luận: Chất lượng nước thuộc hệ thống cấp nước do Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau đang quản lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT).

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM THÁNG 9/2026

STT	Xí nghiệp, Chi nhánh cấp nước	Số mẫu hóa lý	Số mẫu vi sinh	Kết quả hóa lý		Kết quả vi sinh		Ghi chú (KQ chưa đạt)
				Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt	
1	Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 1 (CM1)	13	13	13	0	13	0	
2	Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 2 (CM2)	14	14	14	0	14	0	
3	Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn (NC)	4	4	4	0	4	0	
4	Chi nhánh Cấp nước Cái Đôi Vàm (CĐV, CĐV.VT)	6	6	6	0	6	0	
5	Chi nhánh Cấp nước Sông Đốc (SĐ)	7	7	7	0	7	0	
6	Chi nhánh Cấp nước Trần Văn Thời (TVT)	4	4	4	0	4	0	
7	Chi nhánh Cấp nước Cái Nước (CN)	4	4	4	0	4	0	
8	Chi nhánh Cấp nước Đầm Dơi (ĐD, ĐD.QP)	7	7	7	0	7	0	
9	Chi nhánh Cấp nước Khánh An (KA)	9	9	9	0	9	0	
10	Chi nhánh Cấp nước Phan Ngọc Hiển (PNH)	5	5	5	0	5	0	
11	Chi nhánh Cấp nước Thới Bình (TB)	8	8	8	0	8	0	
Tổng cộng		81	81	81	0	81	0	
Tỉ lệ (%)				100	0	100	0	

Ghi chú: Chi tiết kết quả từng mẫu được thể hiện tại Danh sách mẫu và Bảng tổng hợp kết quả đính kèm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM
THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN



Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau
Điện thoại: 02903 836 360 - 02903 836 723 - Fax: 0290 383 6723 - Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com
Website: <https://ctncamau.com.vn/>

DANH SÁCH MẪU NƯỚC THÀNH PHẨM
THÁNG 9 NĂM 2026

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
1	CM1/09.2026	1	Đầu mạng Trạm 1	26.ĐK.0638	7/9	Tủ mát
2		2	Đầu mạng Trạm 2	26.ĐK.0639	7/9	Tủ mát
3		3	Đầu mạng Trạm 20	26.ĐK.0640	7/9	Tủ mát
4		4	Đầu mạng Trạm 23	26.ĐK.0641	7/9	Tủ mát
5		5	Đầu mạng Trạm 24	26.ĐK.0642	7/9	Tủ mát
6		6	Đầu mạng Trạm 27	26.ĐK.0643	7/9	Tủ mát
7		7	Đầu mạng Trạm 30	26.ĐK.0644	7/9	Tủ mát
8		8	Đầu mạng Nhà máy số 1	26.ĐK.0645	7/9	Tủ mát
9		9	Đầu mạng Trạm 18	26.ĐK.0646	7/9	Tủ mát
10		10	Đầu mạng Trạm Tắc Vân	26.ĐK.0647	7/9	Tủ mát
11		11	240C đường Lý Thường Kiệt, P. Tân Thành (giữa mạng)	26.ĐK.0648	7/9	Tủ mát
12		12	17C đường Huỳnh Thúc Kháng, P. Hòa Thành (cuối mạng)	26.ĐK.0649	7/9	Tủ mát
13		13	439 QL1A, khóm 11, P. Tân Thành (cuối mạng)	26.ĐK.0650	7/9	Tủ mát
14	CM2/09.2026	1	Đầu mạng Trạm 15	26.ĐK.0651	7/9	Tủ mát
15		2	Đầu mạng Trạm 21	26.ĐK.0652	7/9	Tủ mát
16		3	Đầu mạng Trạm 26	26.ĐK.0653	7/9	Tủ mát
17		4	Đầu mạng Trạm 29	26.ĐK.0654	7/9	Tủ mát
18		5	Đầu mạng Trạm 4	26.ĐK.0655	7/9	Tủ mát
19		6	Đầu mạng Trạm 12	26.ĐK.0656	7/9	Tủ mát
20		7	Đầu mạng Nhà Máy số 2	26.ĐK.0657	7/9	Tủ mát
21		8	Đầu mạng Trạm 16	26.ĐK.0658	7/9	Tủ mát
22		9	Đầu mạng Trạm 25	26.ĐK.0659	7/9	Tủ mát
23		10	Đầu mạng Trạm 22	26.ĐK.0660	7/9	Tủ mát
24		11	Đầu mạng Trạm 31	26.ĐK.0661	7/9	Tủ mát

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
25	CM2/09.2026	12	39 đường số N17, Khu ĐT Bạch Đằng, P. LVL (cuối mạng)	26.ĐK.0662	7/9	Tủ mát
26		13	70/7 đường Lâm Thành Mậu, P. An Xuyên (giữa mạng)	26.ĐK.0663	7/9	Tủ mát
27		14	256 đường Lê Đức Thọ - Khu P.Tân Xuyên cũ, P. An Xuyên (cuối mạng)	26.ĐK.0664	7/9	Tủ mát
28	NC/09.2026	1	Đầu mạng Trạm Năm Căn	26.ĐK.0665	8/9	Tủ mát
29		2	Đầu mạng Trạm Hàng Vịnh	26.ĐK.0666	8/9	Tủ mát
30		3	Nguyễn Việt Trung, Ấp 1, xã Năm Căn (giữa mạng)	26.ĐK.0667	8/9	Tủ mát
31		4	Nguyễn Trọng Nghĩa, ấp Cái Nảy, khóm Hàng Vịnh, xã Năm Căn (cuối mạng)	26.ĐK.0668	8/9	Tủ mát
32	CĐV/09.2026	1	Đầu mạng Trạm Bờ Bắc Cái Đôi Vàm	26.ĐK.0669	8/9	Tủ mát
33		2	Đầu mạng Trạm Bờ Nam Cái Đôi Vàm	26.ĐK.0670	8/9	Tủ mát
34		3	Lưu Ngọc Hà, đường Cách Mạng Tháng 8, ấp 1, xã Cái Đôi Vàm (giữa mạng)	26.ĐK.0671	8/9	Tủ mát
35		4	Nguyễn Thị Mai, đường Trần Văn Thời, ấp 6, xã Cái Đôi Vàm (cuối mạng)	26.ĐK.0672	8/9	Tủ mát
36	SD/09.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Sông Đốc	26.ĐK.0673	9/9	Tủ mát
37		2	Đầu mạng Trạm Bờ Bắc Sông Đốc	26.ĐK.0674	9/9	Tủ mát
38		3	Đầu mạng Trạm Bờ Nam Sông Đốc	26.ĐK.0675	9/9	Tủ mát
39		4	Lê Thành Vinh, ấp 11, xã Sông Đốc (giữa mạng Bờ Bắc)	26.ĐK.0676	9/9	Tủ mát
40		5	Mã Ngọc Sim, ấp 12, xã Sông Đốc (cuối mạng Bờ Bắc)	26.ĐK.0677	9/9	Tủ mát
41		6	Nguyễn Minh Tổng, ấp 1, xã Sông Đốc (giữa mạng Bờ Nam)	26.ĐK.0678	9/9	Tủ mát
42		7	Nguyễn Quốc Vương, ấp 5, xã Sông Đốc (cuối mạng Bờ Nam)	26.ĐK.0679	9/9	Tủ mát
43	TVT/09.2026	1	Đầu mạng Trạm 2 - Trần Văn Thời	26.ĐK.0680	9/9	Tủ mát
44		2	Đầu mạng Trạm 3 - Trần Văn Thời	26.ĐK.0681	9/9	Tủ mát
45		3	Lê Tấn Yên, đường Nguyễn Ngọc Sanh, xã Trần Văn Thời (giữa mạng)	26.ĐK.0682	9/9	Tủ mát
46		4	Trần Hồng Nga, đường Huỳnh Phi Hùng, xã Trần Văn Thời (cuối mạng)	26.ĐK.0683	9/9	Tủ mát
47	CN/09.2026	1	Đầu mạng Trạm 1- Cái Nước	26.ĐK.0684	9/9	Tủ mát
48		2	Đầu mạng Trạm 2 - Cái Nước	26.ĐK.0685	9/9	Tủ mát
49		3	Ngô Thúy Nga, đường Cách Mạng Tháng 8, ấp 1, xã Cái Nước (giữa mạng)	26.ĐK.0686	9/9	Tủ mát
50		4	Lê Hoàng Minh, đường Nguyễn Văn Trỗi, xã Cái Nước (cuối mạng)	26.ĐK.0687	9/9	Tủ mát

00010
CÔNG
CỐ PH
CẤP N
CÀ M
THÀNH

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
51	ĐD/09.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Đầm Dơi	26.ĐK.0688	14/9	Tủ mát
52		2	Đầu mạng Trạm 2 - Đầm Dơi	26.ĐK.0689	14/9	Tủ mát
53		3	Đầu mạng Trạm 3 - Đầm Dơi	26.ĐK.0690	14/9	Tủ mát
54		4	Hồ Minh Kha, đường Dương Thị Cẩm Vân, xã Đầm Dơi (giữa mạng)	26.ĐK.0691	14/9	Tủ mát
55		5	Trịnh Hoàng Thọ, đường Lưu Tấn Thành, xã Đầm Dơi (cuối mạng)	26.ĐK.0692	14/9	Tủ mát
56	ĐD.QP/09.2026	1	Đầu mạng Trạm Quách Phẩm - Đầm Dơi	26.ĐK.0693	14/9	Tủ mát
57		2	Nguyễn Phi Yến, ấp Xóm Dừa, xã Quách Phẩm (cuối mạng)	26.ĐK.0694	14/9	Tủ mát
58	KA/09.2026	1	Đầu mạng Trạm U Minh	26.ĐK.0695	14/9	Tủ mát
59		2	Đầu mạng Trạm Khánh An	26.ĐK.0696	14/9	Tủ mát
60		3	Đầu mạng Trạm Khánh Hội	26.ĐK.0697	14/9	Tủ mát
61		4	Trần Quốc Việt, số 41 đường số 1, ấp 1, khu TĐC, xã Khánh An (giữa mạng)	26.ĐK.0698	14/9	Tủ mát
62		5	Nguyễn Văn Nam, T23, ấp 15, khu TĐC, xã Khánh An (cuối mạng)	26.ĐK.0699	14/9	Tủ mát
63		6	Nguyễn Hoàng Mỹ, ấp 1, xã Nguyễn Phích (giữa mạng)	26.ĐK.0700	14/9	Tủ mát
64		7	Trần Văn Thống, ấp 2, xã Nguyễn Phích (cuối mạng)	26.ĐK.0701	14/9	Tủ mát
65		8	Điệp Kiều Loan, ấp 3, xã Khánh Lâm (giữa mạng)	26.ĐK.0702	14/9	Tủ mát
66		9	Trần Thanh Điền, ấp 3, xã Khánh Lâm (cuối mạng)	26.ĐK.0703	14/9	Tủ mát
67	PNH/09.2026	1	Đầu mạng Trạm 2 - Phan Ngọc Hiển	26.ĐK.0704	15/9	Tủ mát
68		2	Đầu mạng Trạm 3 - Phan Ngọc Hiển	26.ĐK.0705	15/9	Tủ mát
69		3	Đầu mạng Trạm 4 - Phan Ngọc Hiển	26.ĐK.0706	15/9	Tủ mát
70		4	Phan Thanh Vũ, Ấp Kênh Ba, xã Phan Ngọc Hiển (giữa mạng)	26.ĐK.0707	15/9	Tủ mát
71		5	Nguyễn Thế Hiển, ấp Dinh Hạ, xã Tân Ân (cuối mạng)	26.ĐK.0708	15/9	Tủ mát
72	CĐV.VT/09.2026	1	Đầu mạng Trạm Việt Thắng - xã Nguyễn Việt Khái	26.ĐK.0709	15/9	Tủ mát
73		2	Nguyễn Thị Ngân, ấp Hiệp Thành, xã Nguyễn Việt Khái (cuối mạng)	26.ĐK.0710	15/9	Tủ mát
74	TB/09.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Thới Bình	26.ĐK.0711	15/9	Tủ mát
75		2	Đầu mạng Trạm 2 - Thới Bình	26.ĐK.0712	15/9	Tủ mát
76		3	Đầu mạng Trạm khóm 4 - Thới Bình	26.ĐK.0713	15/9	Tủ mát

1918-C
TỶ
ÂN
ỐC
AU
T.CAN

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
77	TB/09.2026	4	Đầu mạng Trạm Trí Phải	26.ĐK.0714	15/9	Tủ mát
78		5	Trần Thanh Đô, đường Lê Duẩn, ấp Thới Bình, xã Thới Bình (giữa mạng)	26.ĐK.0715	15/9	Tủ mát
79		6	Đặng Văn Sành, ấp 14, xã Thới Bình (cuối mạng)	26.ĐK.0716	15/9	Tủ mát
80		7	Nghiêm Xuân Hiệp, ấp 1, xã Trí Phải (giữa mạng)	26.ĐK.0717	15/9	Tủ mát
81		8	Huỳnh Văn Ly, ấp 1, xã Trí Phải (cuối mạng)	26.ĐK.0718	15/9	Tủ mát

Cà Mau, ngày 15 tháng 9 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Mã Tú Tựa

P. TRƯỞNG PHÒNG

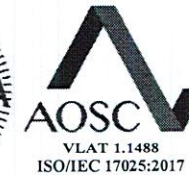


Trương Thị Kim Loan

1.C.P. * 01



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 9/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số (giới hạn cho phép)	XNCN CÀ MAU 1							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0638 1	26.ĐK.0639 2	26.ĐK.0640 3	26.ĐK.0641 4	26.ĐK.0642 5	26.ĐK.0643 6	26.ĐK.0644 7	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	8	7	8	7	7	8	Đạt
2	Mùi (Không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.43	0.41	0.47	0.46	0.42	0.43	0.51	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (0.2 - 1.0 mg/l)	0.77	0.80	0.73	0.79	0.72	0.81	0.74	Đạt
5	pH (*) (6.0 - 8.5)	7.88	7.91	7.92	7.90	7.88	7.91	7.92	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.21	0.19	0.20	0.19	0.22	0.23	0.24	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.0	0.9	0.8	0.8	0.9	0.7	0.8	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tựa

Cà Mau, ngày 21 tháng 9 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 9/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số (giới hạn cho phép)	XNCN CÀ MAU 1						Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0645	26.ĐK.0646	26.ĐK.0647	26.ĐK.0648	26.ĐK.0649	26.ĐK.0650	
		8	9	10	11	12	13	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	8	9	9	8	Đạt
2	Mùi (Không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.45	0.46	0.48	0.53	0.49	0.52	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (0.2 - 1.0 mg/l)	0.73	0.71	0.77	0.53	0.56	0.41	Đạt
5	pH (*) (6.0 - 8.5)	7.90	7.92	7.92	7.88	7.90	7.89	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.25	0.18	0.19	0.23	0.20	0.21	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	0.9	0.8	1.0	1.1	1.1	0.9	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tựa

Cà Mau, ngày 21 tháng 9 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 9/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số (giới hạn cho phép)	XNCN CÀ MAU 2							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0651	26.ĐK.0652	26.ĐK.0653	26.ĐK.0654	26.ĐK.0655	26.ĐK.0656	26.ĐK.0657	
		1	2	3	4	5	6	7	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	8	7	7	8	7	7	Đạt
2	Mùi (Không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.45	0.47	0.50	0.47	0.46	0.43	0.44	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (0.2 - 1.0 mg/l)	0.80	0.78	0.70	0.79	0.72	0.84	0.80	Đạt
5	pH (*) (6.0 - 8.5)	7.92	7.89	7.91	7.89	7.90	7.91	7.93	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.23	0.22	0.15	0.22	0.16	0.23	0.17	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	0.8	1.0	0.7	1.1	1.1	0.9	1.2	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tựa

Cà Mau, ngày 21 tháng 9 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 9/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số (giới hạn cho phép)	XNCN CÀ MAU 2							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0658	26.ĐK.0659	26.ĐK.0660	26.ĐK.0661	26.ĐK.0662	26.ĐK.0663	26.ĐK.0664	
		8	9	10	11	12	13	14	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	8	7	8	10	9	9	Đạt
2	Mùi (Không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.47	0.50	0.49	0.46	0.47	0.49	0.54	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (0.2 - 1.0 mg/l)	0.79	0.78	0.79	0.74	0.49	0.47	0.41	Đạt
5	pH (*) (6.0 - 8.5)	7.91	7.91	7.92	7.93	7.89	7.92	7.93	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.18	0.23	0.16	0.17	0.18	0.15	0.19	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.2	1.0	0.9	1.0	1.1	1.0	1.1	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tựa

Cà Mau, ngày 21 tháng 9 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 9/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số (giới hạn cho phép)	CNCN NĂM CĂN				CNCN CÁI ĐÔI VÀM				Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0665	26.ĐK.0666	26.ĐK.0667	26.ĐK.0668	26.ĐK.0669	26.ĐK.0670	26.ĐK.0671	26.ĐK.0672	
		1	2	3	4	1	2	3	4	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	13	12	13	13	13	12	13	14	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	1.17	1.12	1.20	1.20	1.10	1.08	1.24	1.21	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.81	0.75	0.46	0.37	0.82	0.74	0.44	0.32	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	8.02	7.96	7.84	7.94	7.86	7.95	7.84	7.93	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.21	0.26	0.27	0.17	0.26	0.20	0.25	0.23	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.8	1.9	1.8	1.8	1.9	1.8	1.8	1.9	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tựa

Cà Mau, ngày 18 tháng 9 năm 2026
P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 9/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số (giới hạn cho phép)	CNCN SÔNG ĐỐC							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0673	26.ĐK.0674	26.ĐK.0675	26.ĐK.0676	26.ĐK.0677	26.ĐK.0678	26.ĐK.0679	
		1	2	3	4	5	6	7	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	8	7	9	9	10	8	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.48	0.50	0.51	0.56	0.58	0.59	0.65	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.73	0.82	0.70	0.52	0.33	0.41	0.31	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.92	7.89	7.96	7.87	7.83	7.95	7.76	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.15	0.16	0.14	0.15	0.17	0.16	0.17	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.2	1.1	1.1	1.2	1.3	1.2	1.1	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tựa

Cà Mau, ngày 18 tháng 9 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 9/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu	CNCN TRẦN VĂN THỜI				CNCN CÁI NƯỚC				Đánh giá kết quả
	Thông số (giới hạn cho phép)	26.ĐK.0680	26.ĐK.0681	26.ĐK.0682	26.ĐK.0683	26.ĐK.0684	26.ĐK.0685	26.ĐK.0686	26.ĐK.0687	
		1	2	3	4	1	2	3	4	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	8	9	9	8	7	8	9	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0.42	0.43	0.53	0.54	0.49	0.47	0.51	0.51	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.71	0.70	0.51	0.31	0.81	0.85	0.40	0.32	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.88	7.96	7.81	7.94	7.72	7.84	7.93	7.84	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.16	0.15	0.17	0.19	0.23	0.19	0.17	0.19	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.2	1.3	1.2	1.4	1.4	1.5	1.6	1.6	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tựa

Cà Mau, ngày 18 tháng 9 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 9/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số (giới hạn cho phép)	CNCN ĐÀM ĐÔI					CNCN ĐÀM ĐÔI. QP		Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0688	26.ĐK.0689	26.ĐK.0690	26.ĐK.0691	26.ĐK.0692	26.ĐK.0693	26.ĐK.0694	
		1	2	3	4	5	1	2	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	7	8	8	9	7	9	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.52	0.48	0.51	0.63	0.64	0.67	0.75	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.74	0.84	0.78	0.52	0.48	0.72	0.21	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.79	7.85	7.96	7.84	7.93	7.88	7.93	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.16	0.19	0.17	0.15	0.21	0.15	0.17	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.2	1.3	1.2	1.3	1.2	1.3	1.4	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tựa

Cà Mau, ngày 18 tháng 9 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 9/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số (giới hạn cho phép)	CNCN KHÁNH AN									Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0695	26.ĐK.0696	26.ĐK.0697	26.ĐK.0698	26.ĐK.0699	26.ĐK.0700	26.ĐK.0701	26.ĐK.0702	26.ĐK.0703	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	8	8	8	9	9	9	8	8	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.52	0.48	0.52	0.62	0.52	0.62	0.61	0.55	0.66	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.7	0.77	0.71	0.44	0.37	0.50	0.29	0.47	0.32	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.84	7.92	7.85	7.81	7.93	7.79	7.88	7.75	7.79	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.17	0.15	0.21	0.16	0.17	0.20	0.19	0.21	0.22	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.3	1.2	1.3	1.2	1.3	1.3	1.5	1.6	1.5	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tựa

Cà Mau, ngày 18 tháng 9 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 9/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số (giới hạn cho phép)	CNCN NGỌC HIỂN					CNCN CÁI ĐÔI VÀM. VT		Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0704	26.ĐK.0705	26.ĐK.0706	26.ĐK.0707	26.ĐK.0708	26.ĐK.0709	26.ĐK.0710	
		1	2	3	4	5	1	2	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	8	7	8	9	7	8	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0.56	0.58	0.50	0.60	0.67	0.45	0.51	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.77	0.78	0.70	0.35	0.42	0.70	0.28	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.99	7.85	7.96	7.88	7.93	7.82	7.92	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.19	0.18	0.23	0.20	0.16	0.21	0.23	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.1	1.2	1.2	1.1	1.4	1.3	1.5	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tựa

Mã Tú Tựa

Cà Mau, ngày 18 tháng 9 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 9/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số (giới hạn cho phép)	CNCN THỜI BÌNH								Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0711	26.ĐK.0712	26.ĐK.0713	26.ĐK.0714	26.ĐK.0715	26.ĐK.0716	26.ĐK.0717	26.ĐK.0718	
		1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	8	7	8	9	9	7	8	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0.56	0.58	0.50	0.60	0.67	0.67	0.45	0.51	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.77	0.78	0.70	0.35	0.42	0.27	0.7	0.28	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.99	7.85	7.96	7.88	7.93	7.76	7.82	7.92	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.19	0.18	0.23	0.20	0.16	0.17	0.21	0.23	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.1	1.2	1.2	1.1	1.4	1.3	1.3	1.5	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tựa

Cà Mau, ngày 18 tháng 9 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan